



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Phát triển Năng lượng Sơn Hà

Ngày 30/09/2025	7,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.8%	-6.1%	0.1%

DT thuần Q3/25
73.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼58.5 -44.3%
YoY: ▲ 25.1 51.8%

LN thuần Q3/25
3.89
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.86 28.5%
YoY: ▲ 1.53 64.9%

LN sau thuế Q3/25
4.49
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.44 47.1%
YoY: ▲ 2.11 88.5%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
9.4%
YoY: +/-▲ 5.5%

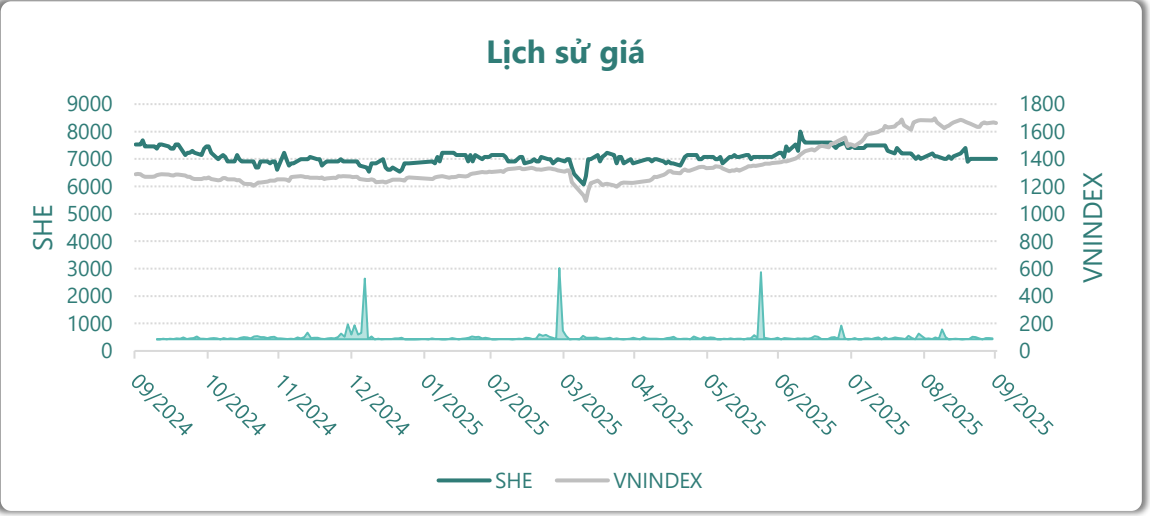
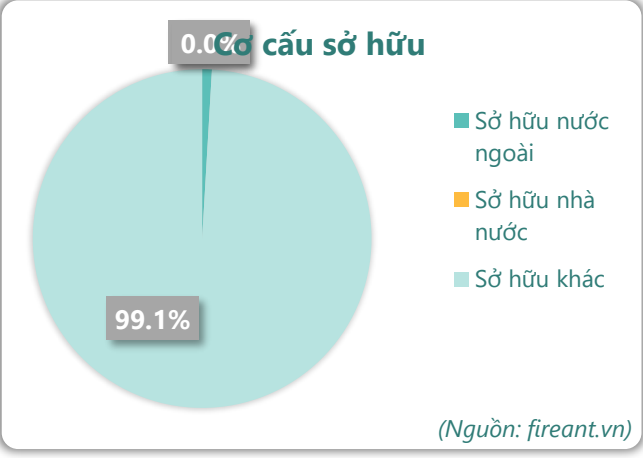
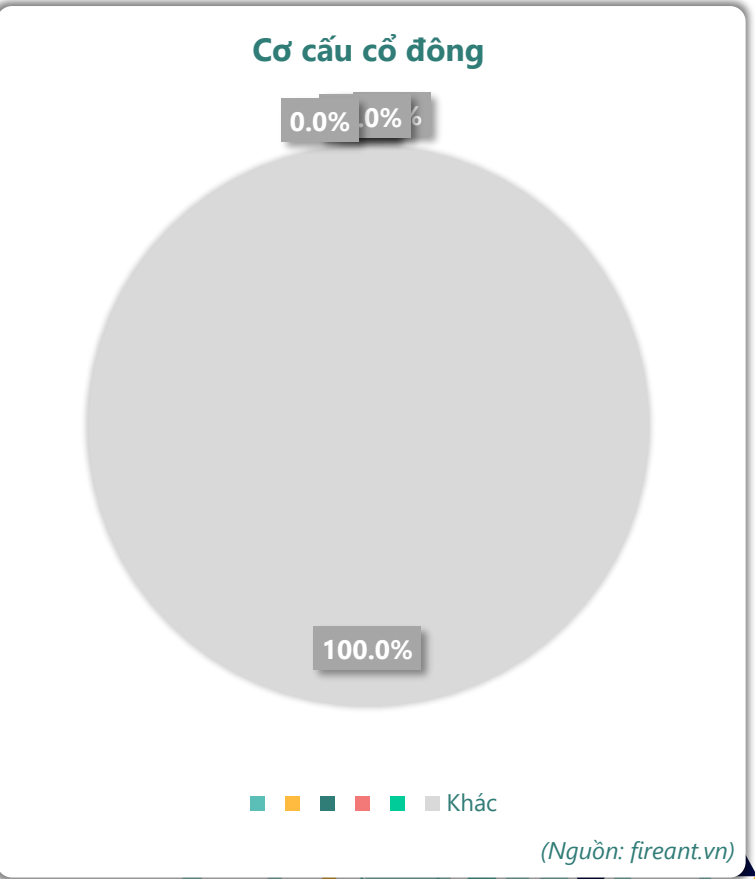
ROE (TTM) Q3/25
9.8%
YoY: +/-▲ 1.2%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,071 - 8,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	105
Số lượng CPLH (CP)	14,953,156
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,970
Sở hữu nước ngoài	0.9%
Beta	0.54
EPS	1,010
P/E	6.9

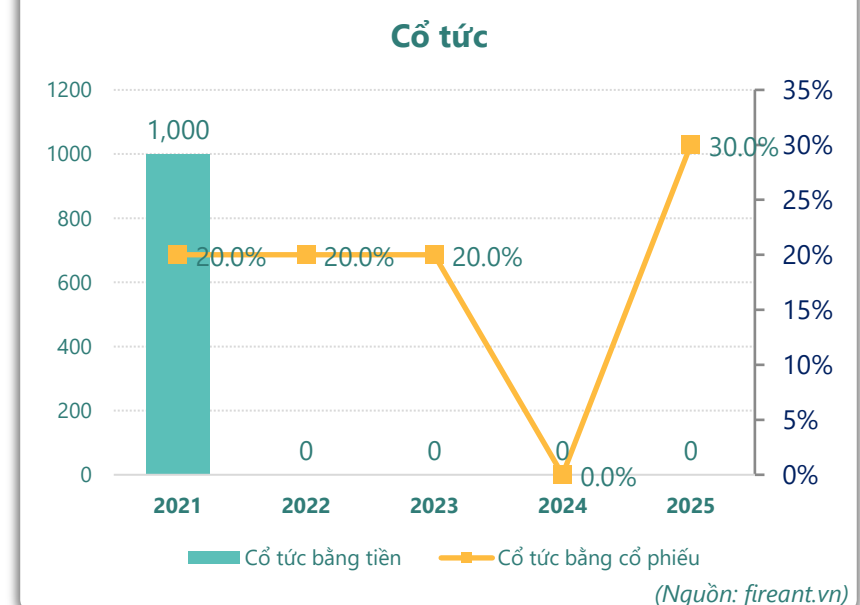
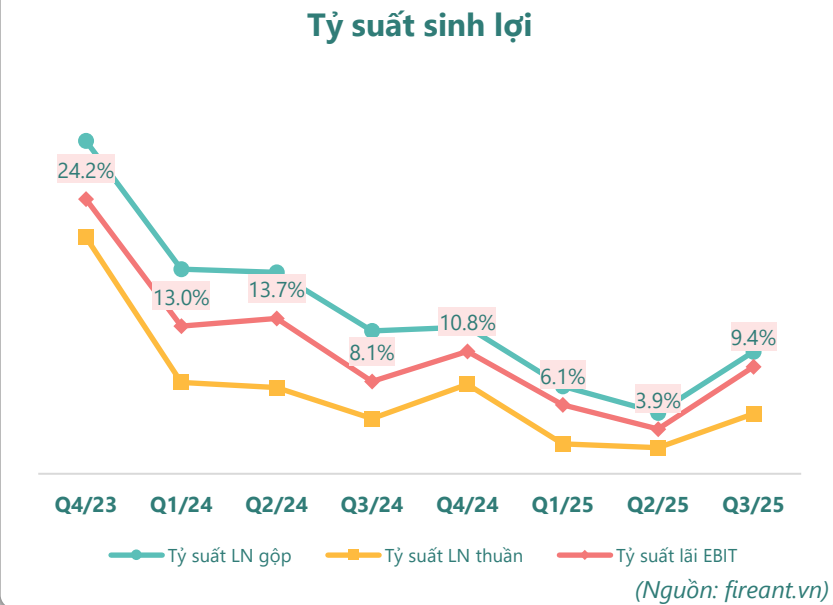
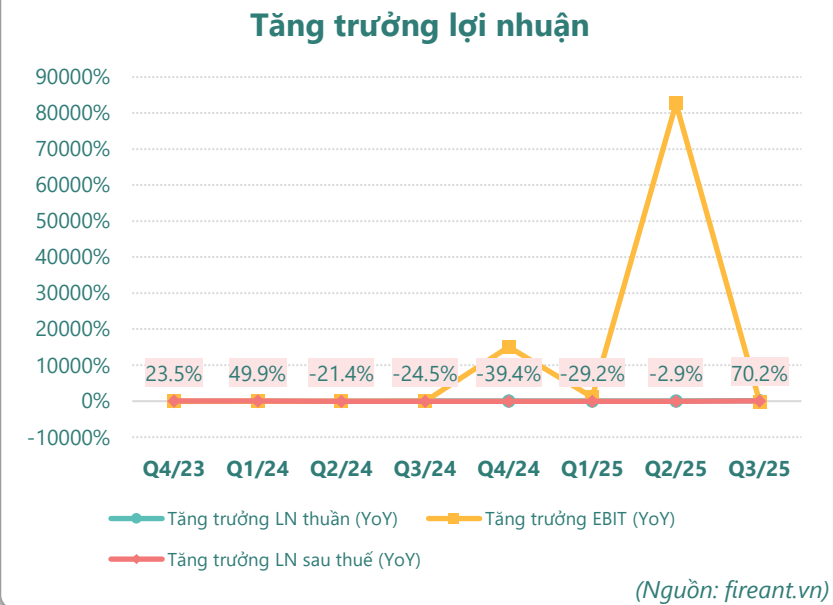
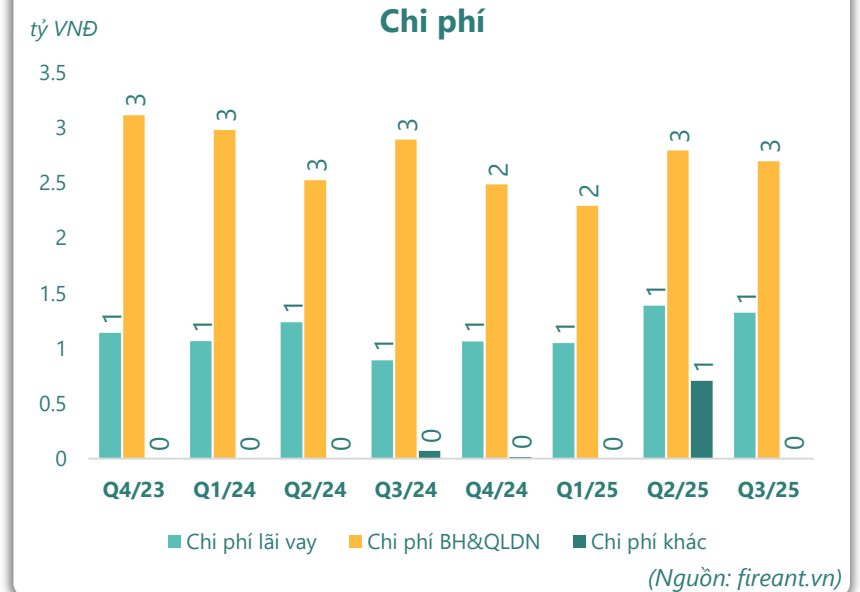
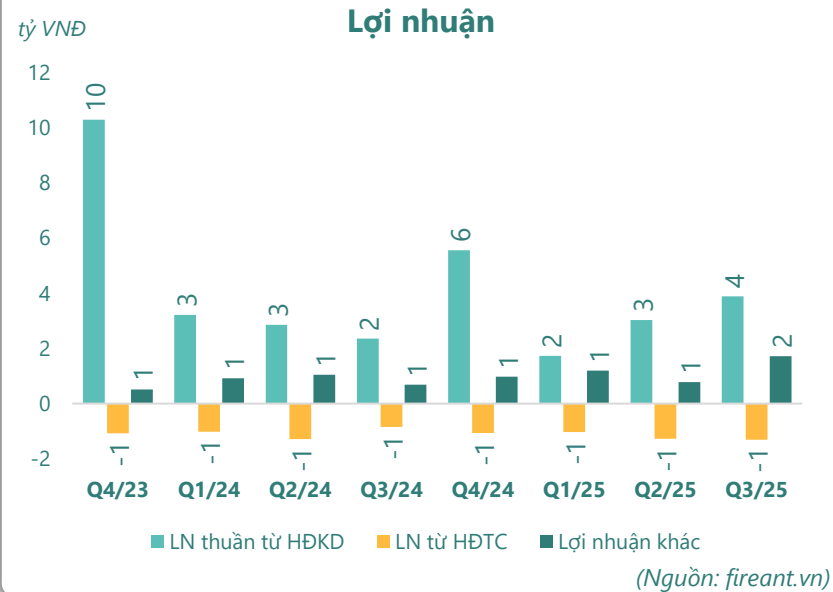
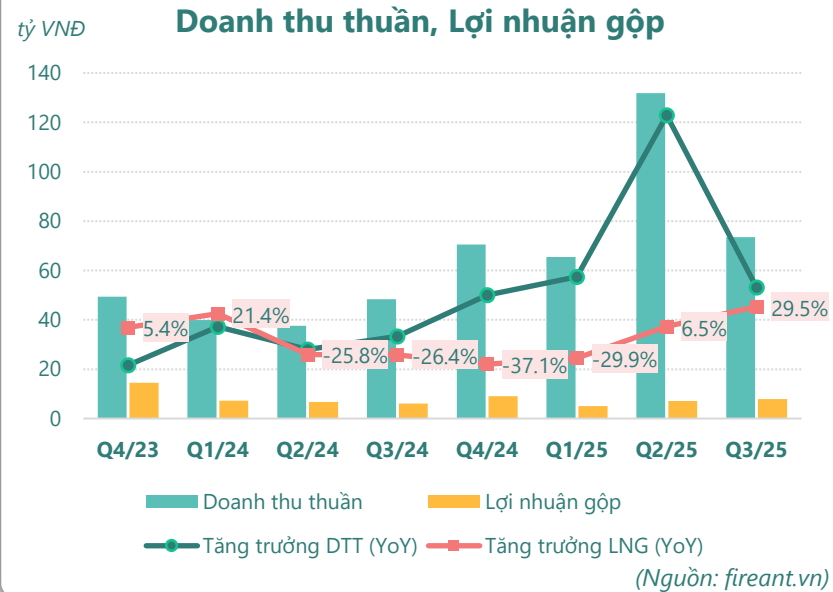
DT thuần 9T 2025
271
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 145 115%

LN thuần 9T 2025
8.65
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.21 2.6%

LN sau thuế 9T 2025
9.88
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.07 12.2%



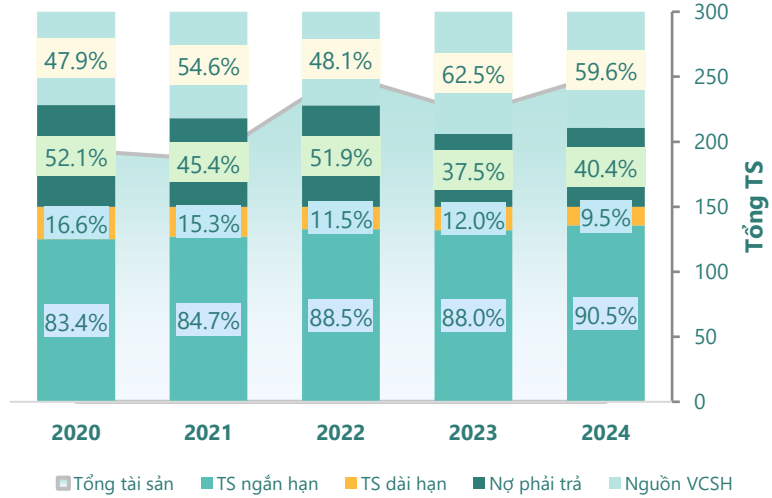
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

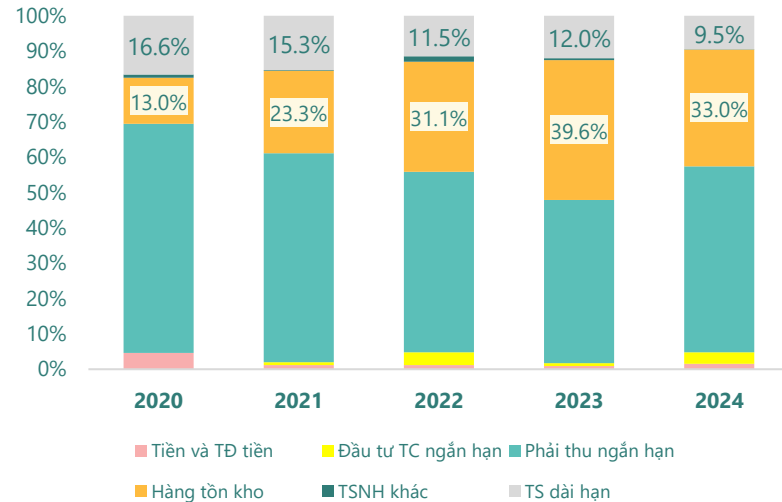
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

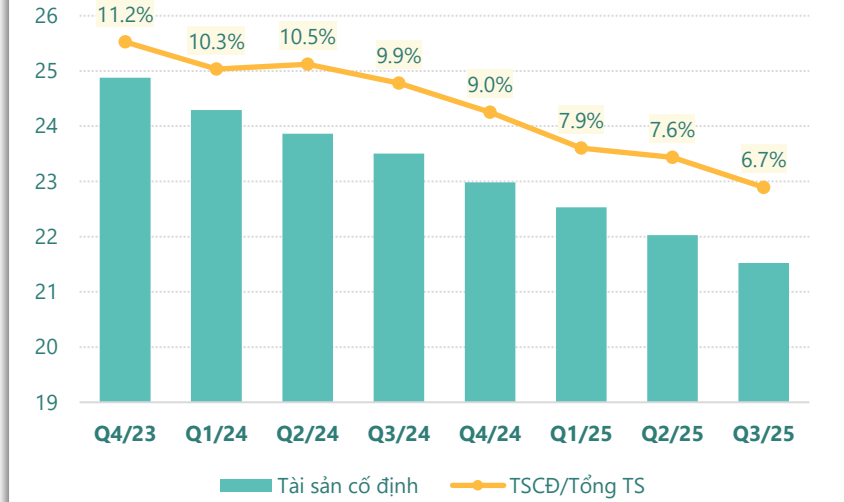
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

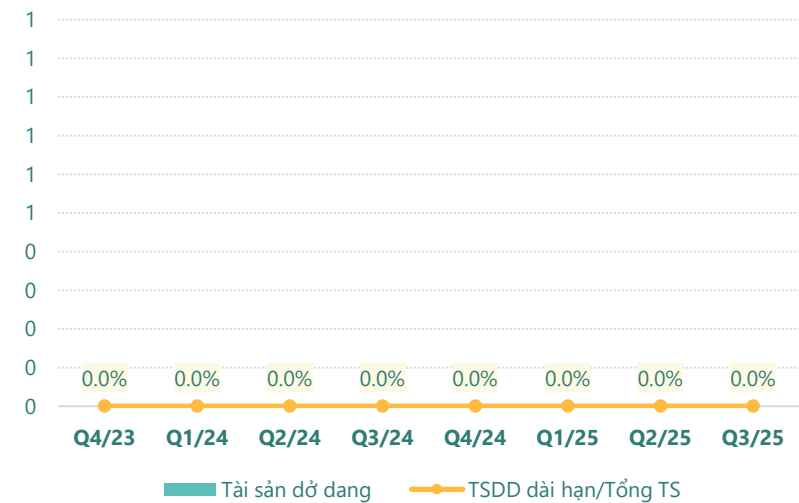
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

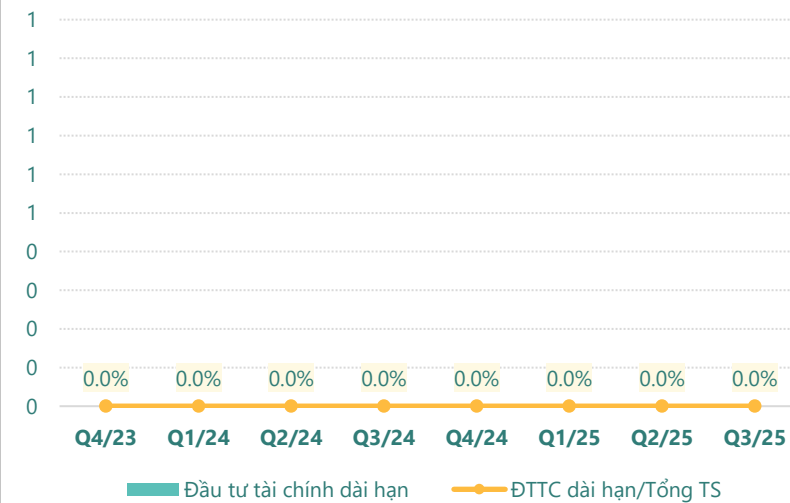
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

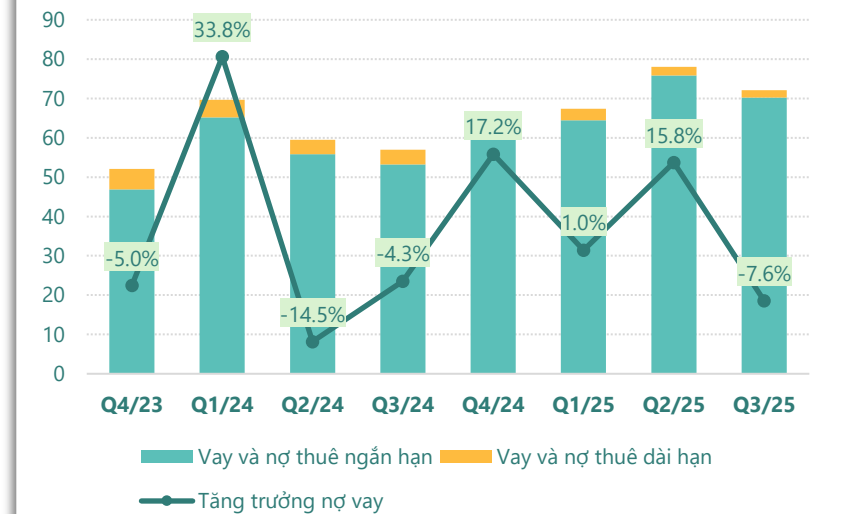
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

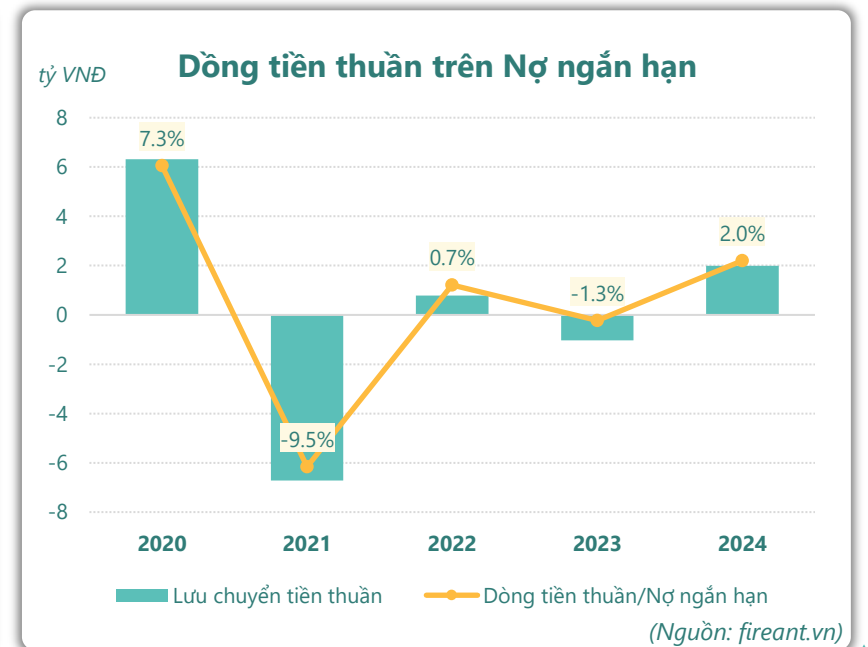
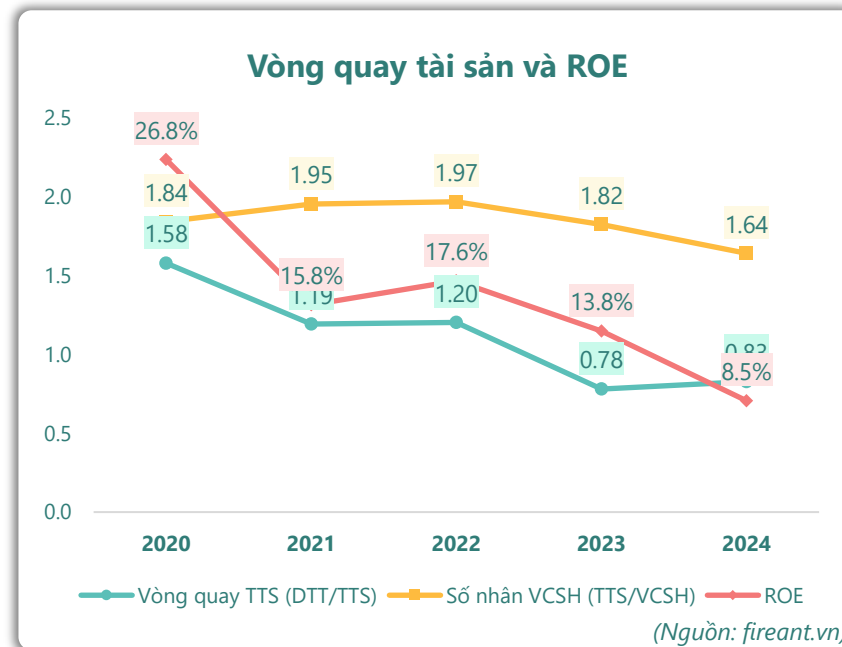
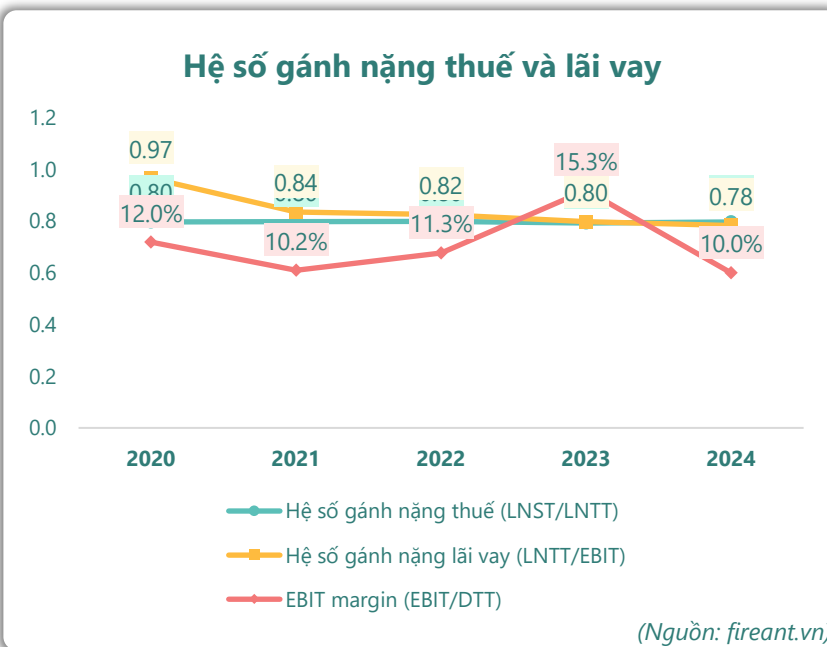
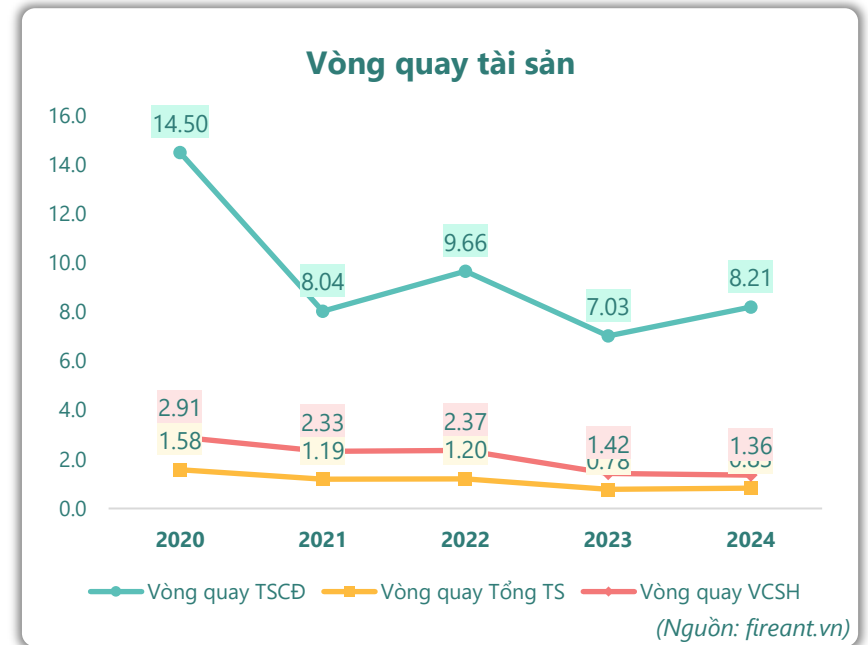
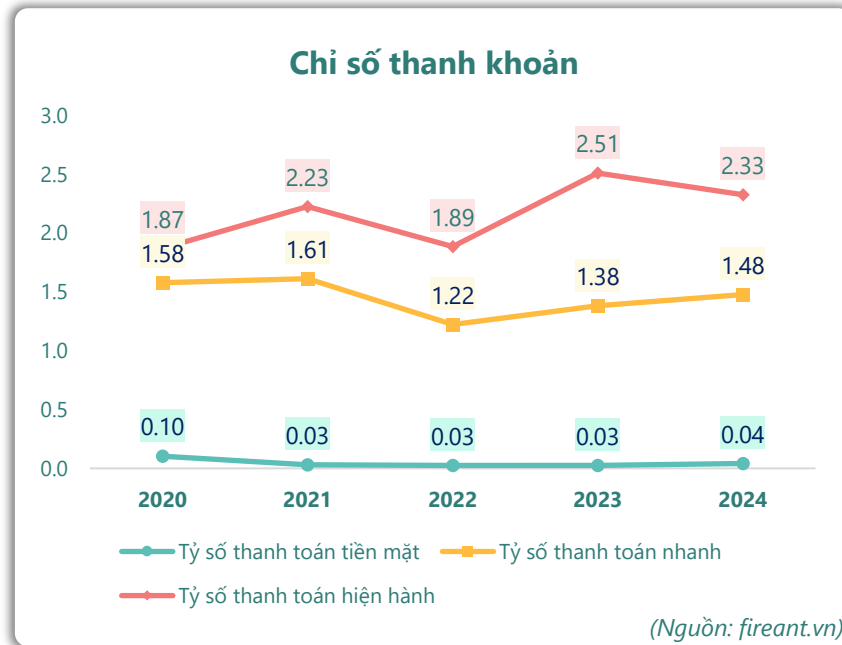
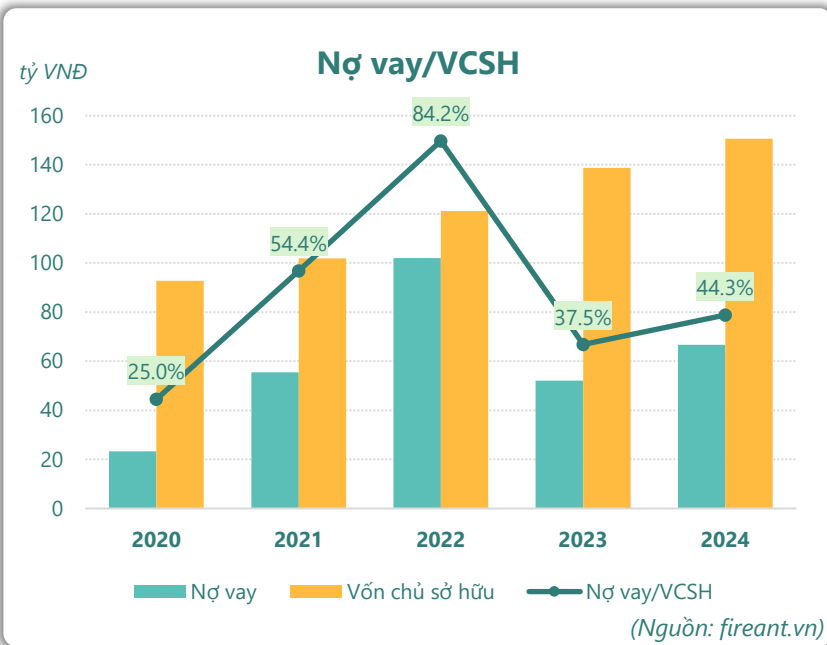
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	73.5	48.4	51.8%	271	126	115%
Giá vốn hàng bán	65.6	42.3	55.0%	251	106	137%
Lợi nhuận gộp	7.90	6.10	29.5%	20.1	20.0	0.4%
Doanh thu HĐTC	0.02	0.05	-53.1%	0.19	0.22	-9.9%
Chi phí TC	1.33	0.89	49.8%	3.81	3.36	13.4%
Chi phí lãi vay	1.32	0.89	48.9%	3.76	3.20	17.6%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.56	0.81	-30.8%	1.45	2.60	-44.1%
Chi phí QLDN	2.14	2.09	2.4%	6.34	5.81	9.1%
LN thuần từ HĐKD	3.89	2.36	64.9%	8.65	8.44	2.6%
Lợi nhuận khác	1.72	0.68	153%	3.70	2.65	39.6%
LN trước thuế	5.61	3.04	84.7%	12.4	11.1	11.5%
Lợi nhuận sau thuế	4.49	2.38	88.5%	9.88	8.81	12.2%
LNST của CĐ cty mẹ	4.49	2.38	88.5%	9.88	8.81	12.2%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	8.08	3.95	-2.53	-3.49	-7.48	6.17
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.39	-1.20	-3.07	0.00	-2.00	-0.75
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-10.1	-2.58	8.64	0.64	10.6	-5.94
Tiền đầu kỳ	1.40	0.75	0.92	3.96	1.11	2.28
Lưu chuyển tiền thuần	-0.65	0.17	3.04	-2.85	1.17	-0.52
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.75	0.92	3.96	1.11	2.28	1.76

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	323	253	27.6%
Tài sản ngắn hạn	300	229	31.3%
Tiền và tương đương tiền	1.76	3.96	-55.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.0	8.18	35.0%
Phải thu ngắn hạn	216	133	62.5%
Hàng tồn kho	70.8	83.5	-15.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.74	0.16	376%
Tài sản dài hạn	22.1	24.0	-7.6%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	21.5	23.0	-6.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.62	0.98	-36.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	162	102	58.9%
Nợ ngắn hạn	160	98.3	62.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	70.2	63.8	10.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	81.3	27.0	201%
Nợ dài hạn	2.75	3.86	-28.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	1.84	2.95	-37.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	160	151	6.4%
Vốn chủ sở hữu	160	151	6.4%
Vốn điều lệ	150	115	30.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

